

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 25/2021/HNGĐ-ST
Ngày 06 tháng 7 năm 2021
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà Lại Phương Thúy

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Đào Văn Q, sinh năm 1982 (vắng mặt).

HKTT: thôn H, xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 33, phân trại 1, trại giam V, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2021 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Đào Văn Q ngày 27/11/2006, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Q được 03 năm thì gia đình cho vợ chồng ra làm ăn riêng. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm

2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q chơi cờ bạc rồi về bắt chị đưa tiền nhưng chị không đưa thì anh Q đánh đập chị nhiều lần. Ngày 02/7/2020 anh Q bị vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Đầu năm 2021 chị về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Hai bên gia đình không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011, hiện hai con đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện nay chị làm tự do thu nhập bình quân 7.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị N ngày 27/11/2006, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh được khoảng 03 năm thì gia đình cho vợ chồng ra làm ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng xây nhà có nợ tiền của người khác, kinh tế gia đình khó khăn anh đi buôn bán hàng cấm (pháo) nên bị bắt và bị TAND thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “ Buôn bán hàng cấm” vợ chồng không chung sống cùng nhau từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh chưa đồng ý khi nào anh chấp hành án xong thì anh sẽ giải quyết sau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011, hiện hai con đang ở cùng chị N. Anh không trình bày ý kiến gì về con.

Về tài sản, công nợ, công sức: Anh không trình bày gì.

Qua xác minh tại UBND xã N: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Văn Q kết hôn tại UBND xã N ngày 27/11/2006. Sau khi cưới chị N về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh Q được vài năm thì anh chị ra ở riêng trên nhà và đất khác, sau này do nợ tiền của người khác nên anh chị đã bán nhà để trả nợ. Quá trình anh chị chung sống đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tháng 5/2020 anh Q bị bắt và bị TAND thành phố Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “ Buôn bán hàng cấm” hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Nay chị N có đơn xin ly hôn địa phương đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về

con chung vợ chồng có 02 con chung là Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011 đều đăng ký khai sinh tại UBND xã N. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản, công nợ địa phương không biết anh chị có gì.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1.Xử cho chị Nguyễn Thị N và anh Đào Văn Q được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí chị Nguyễn Thị N phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Văn Q là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Đào Văn Q là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống mâu thuẫn, do anh Q bị bắt và bị TAND thành phố Lạng Sơn xử phạt 18 tháng tù về tội “ Buôn bán hàng cấm” hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang.dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Q. Đối với anh Q tòa án đã báo gọi nhiều lần đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt, ngày 07/4/2021Tòa án

nhân dân huyện Lập Thạch đã tiến hành lấy lời khai của anh Q tại trại giam Vĩnh Quang, anh Q trình bày lời khai nhưng khi kết thúc buổi làm việc không đồng ý kí văn bản và không nhận bất kỳ giấy tờ nào của Tòa án. Xét thấy: Do anh Q vi phạm pháp luật nên từ hơn một năm nay vợ chồng đã không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị N xin ly hôn anh Q là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011, hiện hai con đang ở cùng chị. Ly hôn chị N xin nuôi hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quá trình giải quyết anh Q không có ý kiến gì về con. Xét yêu cầu xin nuôi con của các bên thấy rằng hiện anh Q đang đi chấp hành án ở trại giam không có điều kiện chăm sóc các con, các con đang trong độ tuổi đi học cần có sự chăm sóc, nguyện vọng của các cháu cũng xin được ở với mẹ. Việc chị N xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên chấp nhận, anh Q không có ý kiến gì về con nếu sau này anh yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Do vậy căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân gia đình giao chị N trực tiếp nuôi cháu L và cháu L, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị N, anh Q không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đào Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Đào Thị Phương L, sinh ngày 27/7/2007 và Đào Cẩm L, sinh ngày 21/5/2011, hiện

hai cháu đang ở cùng chị N. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N. Anh Q có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0001118 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Ngọc Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ